

KẾ HOẠCH
Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Trên cơ sở các chủ trương, kế hoạch của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và trình Thường trực Tỉnh ủy ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh:

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1097/QĐ-TBT ngày 16/6/2021 của Tổ biên tập Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận về Quy chế hoạt động của Tổ Biên tập Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 352-QĐ/TU ngày 18/6/2021 của Tỉnh ủy Ninh Thuận thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 01-QĐ/BCĐCĐS ngày 12/7/2021 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số thành lập Ban Điều hành Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 02-QĐ/BCĐCĐS ngày 12/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo của tỉnh về Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 23/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai xây dựng Đề án, Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch 01-KH/BCĐCĐS ngày 12/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch số 4108/KH-UBND ngày 11/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 4731/KH-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số năm 2021;

- Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”;

- Kế hoạch số 562/KH-UBND ngày 03/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số chuyển đổi số;

- Kế hoạch số 1266/KH-UBND ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2025;

- Kế hoạch số 3566/KH-UBND ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ Biên tập Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3224/KH-TBT ngày 30/6/2021 của Tổ biên tập Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận về khảo sát tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của một số Sở, ngành, địa phương;

- Kế hoạch số 3566/KH-UBND ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 4264/KH-UBND ngày 18/8/2021 của Ban Điều hành Chuyển đổi số về hoạt động của Ban Điều hành Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2021;

- Thỏa thuận hợp tác số 3470/23021/TTHT/UBND-FPT ngày 14/7/2021 về chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với Công ty Cổ phần FPT;

- Thỏa thuận hợp tác số 3624/2021/TTHT/UBND-VNPT ngày 20/7/2021 về Viễn thông và Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trang bị máy tính đạt 100%, 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN); 21 Sở ban ngành và 07 huyện, thành phố đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước phục vụ truy cập internet và các phần mềm dùng chung tại các cơ quan, đơn vị. Tuyến cáp quang kết nối internet đã kết nối 100% đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên toàn tỉnh.

2. Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ vào năm 2014 đến nay hoạt động rất hiệu quả, giúp cho tỉnh triển khai một cách đồng bộ, tập trung nhiều phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cơ sở hạ tầng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được trang bị 2 đường truyền internet trực tiếp tốc độ cao để phục vụ truy cập nhanh chóng các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước trong toàn tỉnh. Tính đến nay, hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu đã được trang bị 16 máy chủ, 04 thiết bị lưu trữ dữ liệu, 04 thiết bị tường lửa, 01 thiết bị phòng chống thư rác, 01 thiết bị phòng chống tấn công web, 01 thiết bị giám sát mạng và nhiều thiết bị mạng khác.

Năm 2021, thực hiện thuê dịch vụ giám sát an ninh mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu, gồm: Dịch vụ giám sát An toàn thông tin mạng, Phần mềm an toàn thông tin (Phần mềm điều phối, tự động hóa và phản ứng an toàn thông tin, Phần mềm giám sát an ninh mạng, Phần mềm giám sát bất thường ở lớp mạng, Phần mềm giám sát bất thường trên Endpoint cho máy chủ).

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của tỉnh triển khai theo mô hình điện toán đám mây cho tất cả các ứng dụng của tỉnh: Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thư điện tử, Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Phần mềm chỉ đạo điều hành, Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, Dịch vụ giám sát an toàn thông tin, và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành, 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

3. Kết nối Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II (Triển khai theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành đề án thiết lập mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại cơ quan, nhà nước các cấp tỉnh Ninh Thuận) và đã kết nối mạng truyền số liệu cấp II vào mạng truyền số liệu cấp I (Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng chính phủ).

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

1. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh

a) Tỉnh đã xây dựng hệ thống đăng nhập một lần dùng chung của tỉnh, xây dựng hệ thống người dùng chung toàn tỉnh trên AD(Active Directory) và tích hợp các phần mềm trong tỉnh với hệ thống người dùng chung.

b) Tỉnh đã triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), kết nối với hệ thống NGSP do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng; Dữ liệu của các cơ quan bộ, ngành trung ương có trên NGSP được tỉnh kết nối sử dụng: Lý lịch tư pháp, đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu dùng chung. Dịch vụ có kết nối nhưng chưa ứng dụng: Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách, bảo hiểm xã hội, văn bản quy phạm pháp luật.

c) LGSP của tỉnh thực hiện kết nối, sử dụng cho Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc để gửi nhận văn bản điện tử trong tỉnh và giữa tỉnh với các đơn vị khác qua trực gửi nhận văn bản quốc gia, thực hiện gửi nhận văn bản giữa khối Đảng và Chính quyền trong tỉnh.

d) Công dịch vụ công của tỉnh đã kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia. Đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ thanh toán trực tuyến qua hệ thống hỗ trợ thanh toán quốc gia.

2. Hiện trạng hệ thống nền tảng đặc thù, dùng chung triển khai tại tỉnh

a) Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc: Được triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh, kết nối liên thông 4 cấp, đảm bảo gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan nhà nước trong tỉnh với các cơ quan trung ương, các địa phương khác có kết nối với Trục liên thông quốc gia.

b) Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công: Đã được xây dựng và triển khai đến tất cả các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm kết nối đồng bộ, liên thông 3 cấp; hoàn thành việc kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia .

c) Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh: Đã được đầu tư, nâng cấp, triển khai đến các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Hệ thống ý kiến chỉ đạo điều hành: Đã được xây dựng và áp dụng rộng rãi từ năm 2016 và được tích hợp với Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Đã hỗ trợ tốt cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ giao cho các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; giúp theo dõi tiến độ xử lý công việc, tránh tình trạng bỏ sót và thực hiện chậm trễ các công việc do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

đ) Hệ thống thư điện tử công vụ: Đã cấp phát hơn 6.000 tài khoản thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khai thác, sử dụng.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Hiện nay toàn tỉnh có nhiều phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ quản lý theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Cụ thể gồm:

(1) Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng trên địa bàn tỉnh

Ninh Thuận và cơ sở dữ liệu tương ứng. (2) Phần mềm Báo cáo thống kê-tổng hợp thông tin quản lý ngành nông nghiệp. (3) Phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện tại Bệnh viện tỉnh. (4) Phần mềm Kinh tế –Xã hội tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. (5) Phần mềm Quản lý địa chính thành phố Phan Rang-Tháp chàm, huyện Bác Ái, huyện Ninh Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. (6) Phần mềm GIS quản lý dữ liệu ngầm đô thị trên địa bàn thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. (7) Phần mềm Quản lý Ngân sách và Kho bạc. (8) Phần mềm Quản lý Ngành thuế. (9) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Giao thông.(10) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Y tế. (11) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường. (12) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Xây dựng. (13) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.(14) Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Lao động Thương binh và Xã hội. (15) Phần mềm Hệ thống thông tin về các đề tài khoa học. (16) Phần mềm quản lý giấy phép lái xe. (17) Phần mềm quản lý hồ sơ Bảo hiểm xã hội. (18) Phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo điều hành. (19) Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. (20) Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh. (21) Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. (22) Cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục. (23) Cơ sở dữ liệu quản lý hộ nghèo, cận nghèo. (24) Cơ sở dữ liệu quản lý người có công. (25) Cơ sở dữ liệu Hệ thống thư điện tử của tỉnh. (26) Cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin điện tử của tỉnh. (27) Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật. (28) CSDL quản lý dự án đầu tư. (29) CSDL về khiếu nại tố cáo. (30) Hệ thống thông tin và CSDL dân tộc thiểu số. (31) Phần mềm quản lý hệ thống thông tin xuất nhập khẩu. (32) Hệ thống CSDL ngành thủy lợi. (33) Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển. (34) CSDL về đăng ký kinh doanh. (35) Phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính Vilis 2.0. (36) Trang thông tin điện tử Trung tâm Quan trắc Môi trường.(37) Phần mềm WebGis quản lý thông tin bản đồ quy hoạch sử dụng đất. (38) Phần mềm quản lý tiến độ giải phóng mặt bằng.(39) Phần mềm tổng hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường.(40) Phần mềm quản lý hồ sơ giao đất, thuê đất.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

a) Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc

Toàn tỉnh hiện có 26/26 Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (trong đó có các đơn vị trực thuộc); 65/65 xã, phường, thị trấn đã triển khai Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc được tích hợp chứng thư số và được gắn mã định danh.

Hoàn thành trực liên thông văn bản điện tử nội tỉnh giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước 03 cấp (tỉnh, huyện, xã); xây dựng trực liên thông nội tỉnh (LGSP) phục vụ cho việc gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc với trực liên thông văn bản quốc gia

phục vụ việc gửi nhận văn bản điện tử đảm bảo gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan nhà nước trong tỉnh với các cơ quan Trung ương, và các địa phương khác có kết nối với trực liên thông quốc gia. Qua đó, đáp ứng yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, Phần mềm cũng được kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống khác như kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử; Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; Phần mềm chỉ đạo điều hành và tích hợp công khai trao đổi văn bản điện tử trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Hiện nay, tất cả cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc để trao đổi văn bản điện tử, chỉ đạo, điều hành qua mạng, giúp tiết kiệm chi phí, thời gian gửi, nhận, xử lý văn bản của các cơ quan nhà nước và đã thực sự phát huy hiệu quả trong thời gian giãn cách xã hội do Dịch bệnh COVID-19. Số lượng văn bản điện tử đi đến trên Hệ thống hàng năm đều tăng.

Tổng số văn bản đi và văn bản đến toàn tỉnh tính đến ngày 8/9/2021: 662.269 văn bản. Trong đó, có 494.558 văn bản đến (*tăng 20,45% so với cùng kỳ năm 2020*) và phát hành 167.711 văn bản đi (*tăng 28,52% so với cùng kỳ năm 2020*). Cụ thể: cấp tỉnh có 227.890 văn bản đến (*tăng 20,11% so với cùng kỳ năm 2020*) và 74.369 văn bản đi (*tăng 31,45% so với cùng kỳ năm 2020*); cấp huyện có 91.819 văn bản đến (*tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2020*) và 49.085 văn bản đi (*tăng 25,88% so với cùng kỳ năm 2020*); cấp xã có 174.849 văn bản đến (*giảm 17,4% so với cùng kỳ năm 2020*) và 50.257 văn bản đi (*tăng 35,29% so với cùng kỳ năm 2020*).

b) Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành:

Thời gian qua, phần mềm Ý kiến chỉ đạo điều hành đã hỗ trợ tốt cho lãnh đạo UBND tỉnh triển khai chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ giao cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố; giúp theo dõi tiến độ xử lý công việc, tránh tình trạng bỏ sót và thực hiện chậm trễ các công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Trong năm 2021, có 2.527 công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố thông qua phần mềm này, trong đó có 2.328/2.527 công việc đã thực hiện và báo cáo. tỷ lệ công việc đã xử lý trước và đúng hạn đạt tỷ lệ 92,14%. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian qua.

c) Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ

Từ ngày 01/4/2020, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành triển khai thử nghiệm hệ thống đến tất cả các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Tỉnh ủy đã triển khai chính thức kể từ ngày 01/6/2021, riêng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện thành phố

chính thức đưa vào hoạt động 6/2021.

d) Hệ thống thư điện tử công vụ: hiện nay, hệ thống đã cấp trên 6.000 hộp thư, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong phối hợp xử lý công việc đạt tỷ lệ từ 90 - 95%. Các cơ quan, đơn vị cán bộ, công chức, viên chức ngày càng tăng cường việc trao đổi, gửi nhận qua thư điện tử các loại văn bản dự thảo, báo cáo, góp ý dự thảo, giấy mời,..., góp phần tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp, nâng cao năng suất, hiệu quả trong công việc.

đ) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh

Hiện nay, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến 07 huyện, thành phố và 18 Sở, ban ngành của tỉnh với giải pháp họp trực tuyến tại các phòng họp của Ủy ban nhân dân tỉnh và 07 huyện, thành phố và giải pháp họp qua thiết bị đầu cuối di động tại 35 điểm cầu từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến các cơ quan, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh. Hệ thống hoạt động ổn định, chất lượng về đường truyền, hình ảnh, âm thanh đảm bảo hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ các cuộc họp của UBND tỉnh. Qua đó, giúp các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh có thời gian xử lý công việc của cơ quan, có thời gian nghiên cứu các nội dung để trình bày, phát biểu ý kiến tại cuộc họp, giảm thiểu chi phí đi lại, tiết kiệm thời gian; phát huy hiệu quả trong thời gian dịch bệnh Covid-19.

e) Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

Hiện nay phần mềm đã kết nối liên thông với Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý thông tin công việc và đánh giá chất lượng làm việc của cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh một cách nhanh chóng, đầy đủ; phần mềm nâng cao trình độ quản lý, tạo một bước thay đổi có tính đột phá trong các quy trình đánh giá, hỗ trợ việc quản lý tốt hơn đối với cán bộ, công chức, viên chức.

h) Chuyên mục Hỏi-Đáp

Đã tiếp nhận, chuyển xử lý 87 câu hỏi của doanh nghiệp, người dân gửi đến chuyên mục Hỏi - Đáp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (Sở Y tế: 39; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 23; UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 4; Sở Giáo dục và Đào tạo: 4; Sở Tài nguyên và Môi trường: 3; Sở Giao thông vận tải: 2; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 2; Sở Tư pháp: 2; Sở Công thương: 2; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 2; Sở Nội vụ: 1; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 1; Cục Thuế tỉnh: 1; Bảo hiểm Xã hội tỉnh: 1). Các cơ quan chức năng đã trả lời: 82 câu hỏi, đang trong thời hạn xử lý: 5 câu hỏi (UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 2; Sở Giáo dục và Đào tạo: 1; Sở Y tế: 1; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 1).

i) Triển khai ứng dụng Chứng thư số

Đến nay, đã có 1.654 chứng thư số được cấp (trong đó tổ chức: 400; cá nhân 1.176 chứng thư số dạng usb token và 78 chứng thư số dạng SIM PKI), 100% các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã sử dụng chứng thư số ký duyệt, phát hành văn bản điện tử trên Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị sử dụng chứng thư số để khai báo thuế, bảo hiểm xã hội, dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc.

2. Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử

Năm 2021, tiếp tục mở rộng triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho 65 Ủy ban nhân dân cấp xã, đạt 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã có hệ thống tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên phần mềm một cửa và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp.

Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp: 1.867 dịch vụ công mức độ 3,4. Trong đó mức độ 4: 1.710 TT (cấp tỉnh: 1445TT, cấp huyện: 265TT), mức độ 3: 157TT (cấp tỉnh: 10TT, cấp xã: 147 TT). Tiếp nhận 40.032 hồ sơ tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2020 (37.547 hồ sơ.), cấp tỉnh tiếp nhận 14.598 hồ sơ tăng 5,2% (7.355 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và 7.243 hồ sơ tiếp nhận qua mạng), cấp huyện tiếp nhận 25.434 hồ sơ tăng 5,84% (Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận tiếp nhận 21.555 hồ sơ; 6 huyện và 1 thành phố tiếp nhận 3.879 hồ sơ); Việc xử lý hồ sơ trên toàn tỉnh (cấp tỉnh đã xử lý đúng hạn: 13.844 hồ sơ, đã xử lý trễ hạn 4 hồ sơ; cấp huyện đã xử lý đúng hạn 8.810 hồ sơ, trễ hạn 44 hồ sơ; tỷ lệ đồng bộ hồ sơ trên cổng quốc gia từ ngày (01/01/2021 đến ngày 5/9/2021) 13.153/14.319 đạt 91,86%, tỷ lệ hồ qua mạng 7.243/14.319 đạt 50,58%.

Việc kết nối và tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin quốc gia khác:

- Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã thực hiện kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và tích hợp 879 TTHC mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đã rà soát và gán mã số thủ tục hành chính quốc gia cho 1.704/1.867 thủ tục

- Ngoài ra, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Lý lịch tư pháp, Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến – Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cổng dịch vụ công của tỉnh cũng đã kết nối gửi nhận hồ sơ thủ tục hành chính qua hệ thống bưu điện (VNPost)

Việc phối hợp triển khai Hệ thống thanh toán trực tuyến với Cổng Dịch vụ công quốc gia: Cổng dịch vụ công tỉnh đã hoàn thành kế nối thanh toán trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia tháng 5/2021, đã triển khai thực hiện cho tất cả các Sở, ban ngành. Đến nay có 20 hồ sơ đã thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến thuộc lĩnh vực cấp phiếu lý lịch tư pháp.

b) Công thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động: được triển khai và đưa vào hoạt động năm 2019, góp phần thực hiện mục tiêu cung cấp các dịch vụ du lịch cho du khách, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp, nhằm mục tiêu phát triển ngành du lịch đồng thời hỗ trợ đắc lực cho các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng đô thị thông minh cũng như cung cấp các dịch vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

c) Công/Trang thông tin điện tử

Công thông tin điện tử của tỉnh đã tích hợp 19 Trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, 07 Trang thông tin điện tử của UBND các huyện, thành phố và 22 Trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng, Đoàn thể, tạo môi trường giao tiếp, công khai minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp.

Công thông tin điện tử của tỉnh đã được xây dựng, cập nhật bổ sung 03 chuyên mục (Phòng chống dịch bệnh nCoV, Công bố thông tin doanh nghiệp và chuyên mục lấy ý kiến Nhân dân về văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV), đến ngày 8/9/2021 đăng tải được 633 tin bài, 1.274 văn bản chỉ đạo điều hành, 23 số công báo điện tử;

Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cơ bản cung cấp đầy đủ thông tin quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP như: thông tin giới thiệu chung, thông tin liên hệ, tin tức, sự kiện về hoạt động quản lý nhà nước, công khai các thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật, công bố thông tin quy hoạch, kế hoạch và chế độ chính sách... , đã đăng tải 8.071 tin bài

3. Triển khai thí điểm đô thị thông minh

Tỉnh đã triển khai thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh với 11 hệ thống thông tin: (1) Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tỉnh; (2) hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; (3) Hệ thống du lịch thông minh; (4) Hệ thống quan trắc môi trường; (5) Hệ thống giám sát tàu cá; (6) Hệ thống CSDL Ngành Thủy lợi tỉnh Ninh Thuận; (7) Hệ thống camera giám sát an ninh, giao thông; (8) Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường; (9) Hệ thống quản lý hạ tầng ngầm đô thị; (10) Hệ thống quản lý, giám sát thông tin trên mạng; (11) Hệ thống thông tin quy hoạch sử dụng đất; ngoài ra, còn triển khai lắp đặt hệ thống tổng đài 1022 để phục vụ cho việc tiếp nhận thông tin phản ánh trực tiếp của người dân.

4. Việc phối hợp xử lý các ý kiến phản ánh của người dân thông qua hệ thống thông tin phản ánh hiện trường

Theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân đã tiếp nhận: 722 phản ánh trên các nền tảng gồm Website: 300 phản ánh, Ứng

dụng di động: 33 phản ánh, Zalo: 185 phản ánh, Facebook: 141 phản ánh, Email: 2 phản ánh, Tổng đài 1022: 61 phản ánh. Các phản ánh, kiến nghị thuộc các lĩnh vực: Văn hóa du lịch; Giao thông; Môi trường; Dịch vụ hành chính, công ích, sự nghiệp; Đầu tư, kinh doanh, khởi nghiệp; Đất đai; Hạ tầng đô thị; Bưu chính viễn thông; Y tế,

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số công chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ tin học (chứng chỉ CNTT, trung cấp trở lên) là 1.654/1.654 người đạt 100%. Trong đó, công chức cấp tỉnh 1.083/1.083 người, công chức cấp huyện 571/571 người

Tổng số cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin: 46 người, trong đó có 38 cán bộ có trình độ đại học trở lên về công nghệ thông tin; có 04 đơn vị chưa bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (gồm Sở Tư pháp, Ban Dân tộc, Ban QL các khu công nghiệp và UBND huyện Bác Ái). Riêng 65 xã, phường, thị trấn chưa bố trí cán bộ phụ trách về CNTT tại đơn vị.

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

1. Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Có 22/27 hệ thống thông tin đã được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin; có 22 hệ thống thông tin được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT và đã phê duyệt cấp độ 2 cho 21 hệ thống, cấp độ 3 cho 01 hệ thống. Các đơn vị được phê duyệt cấp độ và phương án an toàn thông tin theo cấp độ của hệ thống thông tin điều đáp ứng phương án bảo đảm an toàn thông tin trong thiết kế hệ thống thông tin với tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11930:2017 về Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. (*Chi tiết theo Phụ lục I*)

2. Tình hình triển khai Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC)

Hiện đang thuê dịch vụ giám sát an ninh mạng của Tập đoàn Viễn thông Công nghiệp Quân đội, triển khai theo mô hình Cloud (SOC on cloud) cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để giám sát, phát hiện, xử lý và bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Đã kết nối, chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin của tỉnh với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

3. Tình hình triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp: đã hoàn thành triển khai

a) “Lớp 1” Lực lượng tại chỗ

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin mạng. Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh

Thuận được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 gồm 19 thành viên là đại diện của các Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thành phố, trong đó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông là Đội trưởng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là Đội phó. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận là thành viên mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia theo Quyết định số 16/QĐ-VNCERT ngày 09/2/2018.

- Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Thuận là đầu mối của tỉnh trong mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Quốc gia; liên kết, phối hợp với các đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các tỉnh, thành phố khác nhằm ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố dưới sự điều phối của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam và Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận. Triển khai, hỗ trợ các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh; phối hợp các cơ quan Trung ương, các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet đóng trên địa bàn tỉnh ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các doanh nghiệp an ninh mạng tổ chức các lớp diễn tập ứng cứu xử lý sự cố và cử các thành viên Đội ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin mạng tham gia các lớp diễn tập do Cục An toàn thông tin tổ chức.

b) “Lớp 2” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp

- Các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đều cử cán bộ phụ trách công nghệ thông tin làm công tác tham mưu, tổ chức thực thi và kiểm tra, thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại các hệ thống thông tin do mình quản lý (có 20 cơ quan, đơn vị đã xây dựng cấp độ an toàn thông tin đạt cấp độ 2; Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận đã xây dựng cấp độ an toàn thông tin đạt cấp độ 3). Các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tự thực hiện giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, bảo vệ hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý với phương án an toàn hệ thống thông tin được Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt. Đồng thời, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông phối hợp hỗ trợ các đơn vị trong trường hợp sự cố vượt ngoài tầm kiểm soát của đơn vị.

-Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội triển khai dịch vụ giám sát an ninh mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận bao gồm: hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu lưu trữ tài liệu điện tử tỉnh, hệ thống Trục liên thông tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP,..... Công ty An ninh mạng Viettel thực hiện giám sát 24/7 theo dõi màn hình giám sát, thu thập thông tin liên quan tới cảnh báo, đánh giá phân loại mức độ sự cố, phản ứng nhanh, tạo case sự cố, điều hành xử lý case sự cố, điều tra, điều hành phản ứng, phân tích rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả xử lý sự cố nghiêm trọng.

- Bên cạnh đó, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Trung tâm VNCERT, Cục An toàn thông tin giám sát, ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin khi có sự cố nghiêm trọng ngoài khả năng xử lý của Đội ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin để hỗ trợ, hướng dẫn xử lý khi có sự cố xảy ra.

c) “Lớp 3” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ

Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận đạt cấp độ 3 an toàn thông tin. Do đó việc kiểm tra, đánh giá Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận được Công ty an ninh mạng Viettel thực hiện giám sát, bảo vệ, định kỳ kiểm tra đánh giá báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông. Trên cơ sở đó, Sở sẽ báo cáo an toàn thông tin về Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định hiện hành.

d) “Lớp 4” Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia

Ngày 27/8/2020, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 1739/STTTT-TTCNTTTT về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát về Cục An toàn thông tin. Ngày 01/9/2020, Sở đã kết nối, chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông; và cung cấp các dải địa chỉ IP của các hệ thống thông tin trong đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc

Tổng số máy tính trong cơ quan nhà nước có cài đặt phòng chống mã độc: 3.391, trong đó: số lượng máy chủ: 73, máy tính để bàn, xách tay: 3.318.

Triển khai chiến dịch rà soát và bóc gỡ mã độc trên toàn quốc: toàn tỉnh có 1.511 máy tính tham gia chiến dịch rà soát bóc gỡ mã độc, đã thực hiện xử lý những máy tính có cảnh báo “có kết nối tới mạng máy tính ma”.

5. Tình hình tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin

Hàng năm tỉnh đều tổ chức đào tạo chuyên sâu về an toàn an ninh thông tin cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Tổ chức diễn tập về tấn công mạng và phòng chống; tham gia các đợt diễn tập trực tuyến cho Cục An toàn thông tin, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam tổ chức. Thường xuyên hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh về kiểm tra, rà soát, xử lý virus, mã độc,...bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đồng thời hỗ trợ ứng cứu, xử lý, khắc phục kịp thời khi có các sự cố xảy ra.

6. Tình hình tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng

Hàng năm tỉnh đều tổ chức đào tạo chuyên sâu về an toàn an ninh thông tin cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Tổ chức diễn tập về tấn công mạng và phòng chống; tham gia các đợt diễn tập trực tuyến cho Cục An toàn thông tin,

Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam tổ chức. Thường xuyên hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh về kiểm tra, rà soát, xử lý virus, mã độc,...bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đồng thời hỗ trợ ứng cứu, xử lý, khắc phục kịp thời khi có các sự cố xảy ra. Năm 2021, sẽ tổ chức đào tạo 01 lớp cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các nội dung về an toàn thông tin, các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, các loại tấn công mạng, bảo mật mạng không dây, kiểm soát truy nhập, sử dụng web an toàn, quản lý dữ liệu an toàn.

7. Tình hình xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia

Triển khai Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4782/KH-UBND ngày 14/11/2017 thực hiện phương án ứng phó sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 09/8/2019.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kế hoạch năm 2021, thực hiện 14 nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin với tổng kinh phí: 7,2 tỷ đồng, trong đó:

- Bố trí kinh phí thực hiện 13 nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền số của các cơ quan nhà nước năm 2021, với tổng kinh phí: 7,2 tỷ đồng (*chi tiết theo Phụ lục II*), tỷ lệ chi cho công nghệ thông tin trong tổng chi ngân sách địa phương: 0,13%.

- Bố trí kinh phí thực hiện 01 nhiệm vụ, dự án về an toàn thông tin mạng năm 2021, với tổng kinh phí: 1 tỷ đồng (*chi tiết theo Phụ lục III*); tỷ lệ chi cho an toàn thông tin số trong số tiền chi cho CNTT: 12,5%.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận;

Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;

Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận;

Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận, phiên bản 2.0;

Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

II. MỤC TIÊU

Phấn đấu cải thiện chỉ số thành phần Hiện đại hoá nền hành chính trong chỉ số cải cách hành chính tỉnh và chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh Ninh Thuận ít nhất vào nhóm trung bình của cả nước. Trong năm 2022, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh tập trung vào một số mục tiêu cụ thể như sau:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng Sở, Ban, ngành, địa phương đạt từ 60% trở lên, tích hợp tối thiểu 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; cung cấp 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước.

c) Tối thiểu 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

d) 60% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, văn bản quy phạm pháp luật, lý lịch tư pháp, đăng ký và quản lý hộ tịch được hoàn thành và kết nối, chia sẻ vào hệ thống quốc gia; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển Chính quyền số

a) Tiếp tục duy trì 100% phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử.

b) Tiếp tục xây dựng, cập nhật các tài liệu tuyên truyền về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

đ) 40% dữ liệu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và đưa vào khai thác hiệu quả.

e) 80% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

g) Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy.

h) Ngành giáo dục và đào tạo chủ động xây dựng hệ sinh thái giải pháp chuyển đổi số liên thông trong toàn ngành, hình thành trục cơ sở dữ liệu với nhiều phân hệ theo chuyên ngành, đồng thời tích hợp với môi trường kiến trúc số của tỉnh (Kiến trúc chính quyền điện tử). Trong đó tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý hành chính và quản trị trường học; bảo đảm 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp để ứng phó với tình hình dịch bệnh có diễn biến phức tạp. Ứng dụng công nghệ số triệt để trong công tác

khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục, công tác tuyển sinh các cấp học và các giải pháp trường học “không dùng tiền mặt” nhằm hướng tới sự tiện lợi cho người dùng.

i) Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, quốc lộ, tỉnh lộ.

k) Triển khai nâng cấp, mở rộng các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

2. Bảo đảm an toàn thông tin

a) 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ; Tối thiểu 70% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

b) Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

c) 100% người đứng đầu của các đơn vị, tổ chức nhà nước (trực thuộc cơ quan) được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.

d) 70% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin;

đ) 30% số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin;

e) 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em đề tham gia môi trường mạng an toàn;

g) 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội;

h) Tiếp tục triển khai duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)

i) Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

k) Tiếp tục nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

a) Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

b) Xây dựng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế vận hành, hoạt động Trung tâm IOC, SOC; về quy định tham gia vào dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận.

c) Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin của tỉnh.

d) Xây dựng ban hành danh mục CSDL dùng chung của tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; đảm bảo kết nối an toàn các mạng LAN với mạng internet băng thông rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước các cấp tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) Tiếp tục nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung, hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đảm bảo hạ tầng nền tảng phát triển dịch vụ đô thị thông minh và nền tảng IoT.

c) Xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và dữ liệu cho đô thị thông minh (điện toán đám mây, kho dữ liệu tập trung, an ninh bảo mật).

d) Tiếp tục nâng cấp hạ tầng thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ dùng chung của tỉnh, đưa vào sử dụng nền tảng LGSP và kết nối với hệ thống NGSP quốc gia; tích hợp các hệ thống thông tin của tỉnh và cơ quan Trung ương.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, kết nối sử dụng hệ thống mạng WAN nội tỉnh tốc độ cao trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

e) Cung cấp chữ ký số cho các cơ quan hành chính nhà nước triển khai ứng dụng.

3. Phát triển các nền tảng, hệ thống

Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung: cung cấp các tính năng, dịch vụ tích hợp, quản lý và khai thác tập trung các nguồn dữ liệu có trên địa bàn; tích hợp về kho dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp dữ liệu các nguồn dữ liệu trên địa bàn tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung.

4. Phát triển dữ liệu

- a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục, công thương.
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu: hạ tầng giao thông, dữ liệu không gian phục vụ quy hoạch và quản lý đô thị tại tỉnh.
- c) Xây dựng hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh, tích hợp và đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, CSDL trong tỉnh, CSDL quốc gia để phục vụ quản lý và khai thác.
- d) Xây dựng công dữ liệu khai thác CSDL dùng chung cho CBCCVN của tỉnh và công dữ liệu mở cho doanh nghiệp, công dân khai thác.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước
 - Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ đến các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
 - Tiếp tục thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến.
- b) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp
 - Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia.
 - Nâng cấp, mở rộng hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- a) Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”.
- b) Hoàn thành xác định cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
- c) Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá

độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (nhất là TCVN 11930:2017) vào hoạt động của cơ quan;

d) Duy trì và nâng cấp trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

đ) Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

e) Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối;

g) Thực hiện kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin;

i) Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

k) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

l) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

m) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân;

o) Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”: Tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng;

p) Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử

lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Bố trí cán bộ hỗ trợ việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin có đủ năng lực và trình độ cho các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm việc tham mưu triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đồng bộ và hiệu quả.

b) Tổ chức đào tạo các kiến thức, kỹ năng để quản trị, điều hành các hệ thống thông tin (hạ tầng, ứng dụng, an ninh, an toàn thông tin...) cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị cấp sở, ngành, huyện, Trung tâm tích hợp dữ liệu.

c) Thực hiện đào tạo, nâng cao nhận thức lãnh đạo các cấp

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Quảng bá, truyền thông sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp về việc triển khai Chính quyền điện tử của tỉnh. Đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được truyền thông về Chính quyền điện tử/Chính quyền số và có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

b) Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

d) Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

đ) Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh.

e) Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.

g) Tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ công của tỉnh.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Người đứng đầu trong các Sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề cao trách nhiệm tăng cường sự phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công ích, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp) gắn với việc thực hiện cải cách hành chính.

b) Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số thuận lợi. Xây dựng nền tảng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ số của các doanh nghiệp hỗ trợ cộng đồng.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính quyền số, trước hết là công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

a) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu Đề án phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2025.

b) Tập trung xây dựng chương trình, hợp tác trong và ngoài nước cho đào tạo nhân lực an toàn thông tin, an ninh mạng đáp ứng tình hình cấp bách về đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin nhất là nguồn nhân lực phục vụ quốc phòng an ninh.

c) Có cơ chế, chính sách thu hút các nhà làm công nghệ thông tin, chuyên gia trình độ cao, các đơn vị công nghệ thông tin có uy tín trong nước tham gia, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công nghệ thông tin của tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin của Chính phủ, Bộ, ngành, các viện nghiên cứu để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp trên địa bàn tỉnh; chủ động xây dựng các chương trình, dự án công nghệ thông tin để đề xuất tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Trung ương.

b) Chủ động tham gia các chương trình hợp tác về công nghệ thông tin với các tỉnh phát triển mạnh về công nghệ thông tin; tổ chức học tập kinh nghiệm, kết nối chia sẻ thông tin công nghệ thông tin với các tỉnh thành khác.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí triển khai Kế hoạch năm 2022: 68.015.141.000 đồng (*Sáu mươi tám tỷ, không trăm mười lăm triệu, một trăm bốn mươi một*

ngàn đồng). Kinh phí nêu trên được xem xét, phê duyệt cụ thể khi triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn vốn ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022 (đã tiết kiệm 10%): 7.400.000.000 đồng;

- Nguồn vốn khác (vốn đầu tư; vốn đầu tư xây dựng cơ bản; huy động đóng góp; xã hội hóa; nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị và các nguồn sự nghiệp khác thuộc ngân sách tỉnh): 60.615.141.000 đồng.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Danh mục dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước năm 2022 tại Phụ lục IV)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước; rà soát, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp về việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tìm kiếm, khai thác thông tin chính thống thông qua Cổng/ trang thông tin của các cơ quan nhà nước.

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện Kế hoạch năm và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đồng đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ban, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thường xuyên chủ động thực hiện việc rà soát cắt giảm, tái cấu trúc quy trình TTHC.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức (kết hợp lồng ghép trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của tỉnh) để đáp ứng khả năng quản trị, vận hành và sử dụng có hiệu của hệ thống. Tham mưu rà soát, cân đối-bố trí biên chế phù hợp cơ quan, đơn vị, địa phương để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai chính quyền số của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, ngành, địa phương hoàn thiện cơ sở vật chất, bộ máy nhân sự, xây dựng các quy trình tác nghiệp để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì thực hiện các giải pháp xây dựng chính sách, tư vấn, hỗ trợ, đề xuất các cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ thông tin.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành liên quan thẩm định báo cáo chủ trương đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách năm 2022 theo quy định.

b) Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kế hoạch đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

b) Tham mưu bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng và đầu tư phát triển công nghệ thông tin của tỉnh.

c) Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, ưu tiên cho lĩnh vực chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

7. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh, kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng và triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin tham gia thị trường và phát triển thương hiệu.

8. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tổ chức nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn tỉnh, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn tỉnh có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng.

9. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì, thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được phân công.

c) Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022. Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức

năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên BCD xây dựng CQĐT;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

Phụ lục I
Danh sách hệ thống thông tin đã phê duyệt cấp độ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 30/11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

| STT | Đơn vị quản lý | Tên hệ thống thông tin | Cấp độ an toàn | Thời gian xác định cấp độ (tháng/năm) | Đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (đáp ứng/chưa) |
|-----|--|---|----------------|---------------------------------------|---|
| 1 | Đài Phát thanh và Truyền hình | Hệ thống mạng nội bộ tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh | 2 | 17/8/2020 | Đáp ứng |
| 2 | Ban Quản lý các khu công nghiệp | Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Ban Quản lý các khu công nghiệp | 2 | 4/2019 | Đáp ứng |
| 3 | Sở Công Thương | Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Sở Công Thương | 2 | 4/2019 | Đáp ứng |
| 4 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận | 2 | 4/2019 | Đáp ứng |
| 5 | Sở Khoa học và Công nghệ | Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Khoa học và Công nghệ | 2 | 4/2019 | Đáp ứng |
| 6 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2 | 9/2019 | Đáp ứng |
| 7 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Hệ thống mạng nội bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2 | 5/2019 | Đáp ứng |
| 8 | Sở Nội vụ | Hệ thống thông tin tại Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận | 2 | 5/2019 | Đáp ứng |
| 9 | Sở Tài chính | Hệ thống mạng nội bộ của Sở Tài Chính | 2 | 5/2019 | Đáp ứng |
| 10 | Sở Tư pháp | Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Sở Tư pháp | 2 | 4/2019 | Đáp ứng |
| 11 | Sở Xây dựng | Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Sở Xây dựng | 2 | 5/2020 | Đáp ứng |
| 12 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Hệ thống mạng nội bộ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | 2 | 22/7/2019 | Đáp ứng |
| 13 | Sở Giao thông Vận tải | Hệ thống mạng nội bộ và hệ thống thông tin Quản lý Giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải | 2 | 07/9/2020 | Đáp ứng |
| 14 | Thanh tra tỉnh Ninh Thuận | Hệ thống mạng nội bộ Thanh tra tỉnh | 2 | 31/8/2020 | Đáp ứng |
| 15 | Ban Dân tộc | Hệ thống mạng nội bộ Ban dân tộc | 2 | 18/8/2020 | Đáp ứng |
| 16 | Sở Thông tin và Truyền thông | Hệ thống mạng nội bộ Sở Thông tin và Truyền thông | 2 | 2020 | Đáp ứng |
| 17 | Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải | Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải | 2 | 05/2019 | Đáp ứng |

| STT | Đơn vị quản lý | Tên hệ thống thông tin | Cấp độ an toàn | Thời gian xác định cấp độ (tháng/năm) | Đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (đáp ứng/chưa) |
|------------|---|--|-----------------------|--|--|
| 18 | Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc | Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc | 2 | 05/2020 | Đáp ứng |
| 19 | UBND Huyện Ninh Sơn | Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn | 2 | 04/9/2020 | Đáp ứng |
| 20 | UBND Huyện Thuận Nam | Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam | 2 | 28/7/2021 | Đáp ứng |
| 21 | Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | Hệ thống mạng nội bộ tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | 2 | 07/9/2020 | Đáp ứng |
| 22 | Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận | Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận | 3 | 29/12/2020 | Đáp ứng |

Phụ lục II
Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ
thông tin của các cơ quan nhà nước năm 2021
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên nhiệm vụ, dự án | Tổng mức đầu tư | Nguồn vốn | Hiện trạng |
|-----|---|-----------------|--------------------------|---------------------------------|
| 1 | Nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung | 1.000.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đang thực hiện |
| 2 | Xây dựng Hệ thống thông tin kinh tế xã hội tỉnh Ninh Thuận | 1.885.477.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã ký hợp đồng, đang triển khai |
| 3 | Nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh và của các Sở, ban, ngành và địa phương | 400.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã ký hợp đồng, đang triển khai |
| 4 | Triển khai, mở rộng phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cho Ủy ban nhân dân cấp xã | 500.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã ký hợp đồng, đang triển khai |
| 5 | Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông tin trên thiết bị di động (chi trả giai đoạn 3) | 556.509.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Hoàn thành |
| 6 | Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 | 300.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đang thực hiện |
| 7 | Thuê các dịch vụ an toàn thông tin mạng | 1.000.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã ký hợp đồng, đang triển khai |
| 8 | Đầu tư trang thiết bị phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin | 90.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Hoàn thành |
| 9 | Đào tạo, diễn tập CNTT cho CBCC chuyên trách CNTT các Sở Ban Ngành, UBND huyện, thành phố | 150.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã ký hợp đồng, đang triển khai |
| 10 | Đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ của tỉnh | 100.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đã có kế hoạch triển khai |
| 11 | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến | 830.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Hoàn thành |
| 12 | Tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận năm 2021 | 50.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Hoàn thành |
| 13 | Kinh phí thuê địa chỉ IP tỉnh | 21.120.000 | Nguồn ứng dụng | Đang thực hiện |

| STT | Tên nhiệm vụ, dự án | Tổng mức đầu tư | Nguồn vốn | Hiện trạng |
|------------|---|------------------------|--------------------------|-------------------|
| | | | CNTT 2021 | |
| 14 | Chi phí tiền điện, tiền dầu, bảo dưỡng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm giám sát an toàn, an ninh, thông tin mạng và điều hành đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận | 356.894.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đang thực hiện |
| 15 | Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin | 50.000.000 | Nguồn ứng dụng CNTT 2021 | Đang thực hiện |
| | Tổng cộng: | 7.200.000.000 | | |

Phụ lục III
Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án về an toàn thông tin
mạng năm 2021

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 30 /11 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

| STT | Tên nhiệm vụ, dự án | Tổng mức đầu tư | Nguồn vốn | Đơn vị tính: đồng | Hiện trạng |
|------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Thuê dịch vụ an toàn thông tin mạng | 1.000.000.000 | Ứng dụng CNTT của tỉnh 2021 | | Đã hoàn thành |
| | Tổng cộng: | 1.000.000.000 | | | |

Phụ lục IV**Danh mục dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước năm 2022***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)**Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì | Nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp | Tổng kinh phí | Kinh phí thực hiện | |
|------------|---|------------------------------|-------------------------------------|---------------|----------------------------|---------------|
| | | | | | Vốn ứng dụng CNTT năm 2022 | Vốn khác |
| A | Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh | | | 52.580 | 4.334 | 48.246 |
| I | Phát triển hạ tầng kỹ thuật | | | 13.000 | 0 | 13.000 |
| 1 | Thiết lập nền tảng hạ tầng ICT và dữ liệu cho đô thị thông minh (điện toán đám mây, kho dữ liệu tập trung, an ninh bảo mật) | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 10.000 | - | 10.000 |
| 2 | Nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 3.000 | - | 3.000 |
| II | Phát triển các hệ thống nền tảng | | | 9.500 | 3.274 | 6.226 |
| 3 | Nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 9.500 | 3.274 | 6.226 |
| III | Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin | | | 7.000 | 0 | 7.000 |
| 4 | Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tập trung toàn ngành giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |
| 5 | Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông | Sở Giao thông Vận tải | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |
| 6 | Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian phục vụ | Sở Thông tin và Truyền | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |

| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì | Nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp | Tổng kinh phí | Kinh phí thực hiện | |
|-----------|---|------------------------------|-------------------------------------|---------------|----------------------------|---------------|
| | | | | | Vốn ứng dụng CNTT năm 2022 | Vốn khác |
| | quy hoạch và quản lý đô thị | thông | | | | |
| 7 | Xây dựng CSDL ngành công thương | Sở Công thương | Dự án mới | 500 | - | 500 |
| 8 | Xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Dự án mới | 500 | - | 500 |
| IV | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ | | | 3.830 | 0 | 3.830 |
| 9 | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 830 | - | 830 |
| 10 | Mở rộng phần mềm một cửa hiện đại, một cửa điện tử liên thông ở các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | - | 1.000 |
| 11 | Triển khai, mở rộng phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cho Ủy ban nhân dân cấp xã | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |
| V | An toàn thông tin | | | 5.100 | 910 | 4.190 |
| 12 | Triển khai hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tinh hạ tầng đô thị thông minh | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |
| 13 | Triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | - | 1.000 |
| 14 | Thuê dịch vụ an toàn thông tin mạng | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới và dự án chuyển tiếp | 2.000 | 910 | 1.090 |
| 15 | Diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 100 | - | 100 |
| VI | Thực hiện chuyển đổi số liên kết, liên thông | | | 12.500 | 0 | 12.500 |

| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì | Nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp | Tổng kinh phí | Kinh phí thực hiện | |
|-------------|--|------------------------------|-------------------------------------|---------------|----------------------------|--------------|
| | | | | | Vốn ứng dụng CNTT năm 2022 | Vốn khác |
| | các hệ thống thông tin | | | | | |
| 16 | Xây dựng ứng dụng số hóa dùng chung toàn tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.500 | - | 1.500 |
| 17 | Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo mới, kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 6.000 | - | 6.000 |
| 18 | Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo mới, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 5.000 | - | 5.000 |
| VII | Xây dựng đô thị thông minh | | | 1.000 | 0 | 1.000 |
| 19 | Xây dựng triển khai Cổng thông tin dịch vụ đô thị thông minh | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | | 1.000 |
| VIII | Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin | | | 650 | 150 | 500 |
| 20 | Đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ của tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 150 | 150 | - |
| 21 | Nâng cao năng lực đội ngũ an toàn thông tin | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 500 | - | 500 |
| B | Nhiệm vụ phát triển Chính quyền số, an toàn thông tin theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 thuộc Đề án chuyển đổi số | | | 6.600 | 0 | 6.600 |
| I | Đảm bảo an toàn thông tin | | | 4.000 | 0 | 4.000 |
| 1 | Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | - | 1.000 |
| 2 | Xây dựng nền tảng và hệ thống quy chuẩn | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | - | 1.000 |

| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì | Nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp | Tổng kinh phí | Kinh phí thực hiện | |
|------------|--|------------------------------|-------------------------------------|------------------|----------------------------|------------------|
| | | | | | Vốn ứng dụng CNTT năm 2022 | Vốn khác |
| | đảm bảo an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số đến 2030 | thông | | | | |
| 3 | Triển khai hệ thống xác thực định danh trên nền tảng số | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 2.000 | - | 2.000 |
| II | Phát triển Chính quyền số | | | 2.000 | 0 | 2000 |
| 4 | Nâng cấp hệ thống thông tin dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công mọi lúc mọi nơi | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 2.000 | - | 2000 |
| III | Phát triển nguồn nhân lực | | | 600 | 0 | 600 |
| 5 | Tổ chức đào tạo chuyên sâu về các công nghệ mới cho cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 200 | - | 200 |
| 6 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 200 | - | 200 |
| 7 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 200 | - | 200 |
| B | Nhiệm vụ bổ sung | | | 7.455,141 | 1.686,000 | 5.769,141 |
| 1 | Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 3.161 | 1.546,916 | 1.614,525 |
| 2 | Thiết lập mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các cơ quan nhà nước các cấp tỉnh Ninh Thuận | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.494 | 139,084 | 1.354,616 |

| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì | Nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp | Tổng kinh phí | Kinh phí thực hiện | |
|----------|---|------------------------------|-------------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------|
| | | | | | Vốn ứng dụng CNTT năm 2022 | Vốn khác |
| 3 | Xây dựng hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh, tích hợp và đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, CSDL trong tỉnh, CSDL quốc gia để phục vụ quản lý và khai thác. | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.000 | - | 1.000 |
| 4 | Xây dựng công dữ liệu khai thác CSDL dùng chung cho CBCCVC của tỉnh và công dữ liệu mở cho doanh nghiệp, công dân khai thác | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án mới | 1.800 | - | 1.800 |
| C | Các nhiệm vụ thường xuyên | | | 1.380 | 1.380 | 0 |
| 1 | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến | Sở Thông tin và Truyền thông | | 880 | 880 | - |
| 2 | Tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận năm 2022 | Sở Thông tin và Truyền thông | | 50 | 50 | - |
| 3 | Chi phí tiền điện, tiền dầu, bảo dưỡng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm giám sát an toàn, an ninh, thông tin mạng và điều hành đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận | Sở Thông tin và Truyền thông | | 400 | 400 | - |
| 4 | Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số | Sở Thông tin và Truyền thông | | 50 | 50 | - |
| | Tổng cộng: | | | 68.015,141 | 7.400 | 60.615,141 |